

Bản án số: 37/2020/HS-PT
Ngày 18-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Lộc.

Bà Nguyễn Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 218/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Thị Thanh T1, Phan Thành Đ. Do có kháng cáo của các bị cáo T, T1 và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện U, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số D, Quốc lộ X, tổ Y, khu phố Z, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T3; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2018 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1971 tại T1 Quảng Trị; nơi thường trú: Số X, khu phố Y, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số X, Quốc lộ Y, tổ Z, khu phố N, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu G và bà Phan Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 28/01/2018 đến ngày 06/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

Bị cáo có kháng nghị: Phan Thành Đ, sinh năm 1993 tại Tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: Số X, khu Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L1 và bà Nguyễn Thị T4; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/01/2018 đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 16 bị hại và 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/01/2018, Phan Thành Đ điều khiển xe mô tô biển số 61X1 – X chở Nguyễn Thành T2 đi quanh khu vực phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương tìm tài sản lấy trộm. Công an phường P trên đường tuần tra thấy T2 và Đ có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu T2 và Đ về trụ sở Công an phường P làm việc. Tại cơ quan Công an, T2 và Đ khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường P và phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi đem bán cho Nguyễn Văn T. Công an phường P chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, T2, Đ, T và T1 khai nhận: T2 và Đ là bạn quen biết nhau từ năm 2012, thường chơi game chung. Khoảng cuối năm 2017, T2 không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của người khác, T2 rủ Đ chở T2 đến địa điểm lấy trộm sau đó Đ quay về tiệm game chơi, khi T2 lấy trộm được xe mô tô thì gọi Đ đến cùng mang xe mô tô trộm được đi tiêu thụ, T2 cho Đ mỗi lần 1.000.000 đồng. Từ ngày 25/11/2017 đến ngày 27/01/2018, T2 thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T, Tỉnh Bình Dương. Trong đó, Đ tham gia cùng với T2 thực hiện 06 vụ. Sau khi trộm cắp tài sản, T2 mang đến tiệm cầm đồ Đ do ông Nguyễn Văn H (là cha nuôi của T và T1) đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bán cho T và Lê Thị Thanh T1 (sống chung như vợ chồng với T). T tiêu thụ 18 xe mô tô và 01 máy tính xách tay, T1 tham gia cùng T tiêu thụ tổng cộng 05 xe mô tô, nội dung cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 25/11/2017, T2 đi bộ từ tiệm game ở khu dân cư H I đến nhà của ông Trần Thế H1, phát hiện cửa hông nhà không khóa và có cắm sẵn chìa khóa, quan sát xung quanh không có người nên T2 mở cửa vào bên trong lấy chìa khóa mở cửa chính sau đó T2 vào tủ bếp lấy chìa khóa xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu trắng nâu biển số 61B1 - X rồi đẩy ra ngoài, T2 tiếp tục vào nhà đẩy xe mô tô hiệu Honda Future màu xám đen biển số 61B1 - X ra ngoài hẻm để sát tường nhà. Sau khi đẩy 02 xe mô tô trên ra ngoài, T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 – X đến kho của Công ty N tại hẻm X, tổ Y, phường H, thành phố T, Tỉnh Bình Dương gửi cho ông Đoàn Trọng L2 (đang làm bảo vệ tại đây) rồi T2 thuê xe ôm quay lại khu dân cư H I và đi bộ vào nơi

cắt giầu xe mô tô biển số 61B1 – X. Sau đó, T2 điều khiển xe về gửi cho ông L2. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 – X đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp T. T hỏi T2 “Xe này ở đâu mà có?” T2 trả lời “Là xe đá”, T hiểu là xe trộm được nhưng vẫn đồng ý mua với giá 10.000.000 đồng. T2 đón xe ôm quay về kho tại phường H lấy xe mô tô biển số 61B1 - X đến bán cho T với giá 6.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T2 nói với T “Lần sau có xe đá thì con mang qua đây luôn nha chú?”, T trả lời “Ừ, cứ đến đây rồi gọi vào số máy này 01242.000.090, mai một cứ mang qua đây”. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 84.500.000 (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 02/12/2017 T2 đi bộ từ tiệm game ở khu dân cư H I đến văn phòng đại diện của Công ty TNHH Nội thất C. T2 trèo qua cổng chính vào rồi dùng hai tay kéo cửa chính bung ra, T2 vào nhà đẩy xe mô tô hiệu Angel SYM màu xanh bạc biển số 79N8 - Y ra dựng trước sân và tiếp tục quay vào nhà lấy 01 bộ máy vi tính để bàn gồm 01 màn hình hiệu LCD hiệu HP, 01 đầu CPU hiệu HP, 01 bàn phím, 01 điều khiển máy tính, 02 loa phụ kiện máy; 01 máy chụp ảnh hiệu Sony và 01 ti vi màn hình phẳng hiệu Samsung 32 inch. T2 điều khiển xe mô tô biển số 79N8 – Y chở số tài sản lấy trộm được đến cửa hàng điện thoại di động Minh Khang tại ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bán 01 bộ máy vi tính, 01 máy chụp ảnh hiệu Sony và 01 ti vi màn hình phẳng được 1.500.000 đồng. Còn xe mô tô biển số 79N8 - Y T2 điều khiển đến bán cho T được 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 giờ ngày 26/12/2017, T2 gọi Đ chở T2 đi lấy trộm tài sản tại phường H thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe Sirius (không rõ biển số) của Đ chở T2 từ tiệm game thuộc khu dân cư H I đến văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Công trình V chi nhánh Bình Dương. T2 đi vào bên trong lấy trộm tài sản, còn Đ điều khiển xe quay lại tiệm game tiếp tục chơi game. T2 trèo tường rào vào trong và dùng cây sắt có sẵn tại sân bê ố khóa số vào trong lấy 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 61C1 - Z của ông Phạm Lê V1 đẩy ra để ngoài sân rồi tiếp tục quay vào nhà lấy xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 75K4 – Z của ông Lê Trương Văn Trọng N đẩy ra để ngoài sân. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61C1 - Z chạy về tiệm game đón Đ quay lại công ty. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô biển số 61C1 - Z, Đ điều khiển xe mô tô biển số 75K4 – Z đến bán cho T xe mô tô biển số 61C1 - Z với giá 3.000.000 đồng, xe mô tô biển số 75K4 – Z với giá 2.000.000 đồng. T2 đưa cho Đ 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 02 giờ ngày 28/12/2017, T2 đi bộ từ tiệm game tại phường H đến nhà của ông Vũ Văn H2 tại địa chỉ số X, Lô B1, khu dân cư H I, khu Y, phường H, thành phố T, Tỉnh Bình Dương. T2 trèo qua cổng rào vào bên trong sân nhà rồi dùng tay ép kính làm bung silicon và đưa tay vào mở cửa chính nhà, T2 vào trong lấy trộm xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen biển số 72E1 - Z và 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen. Sau đó, T2 lấy chìa khóa mở cổng chính nhà rồi điều khiển mô tô biển số 72E1 - Z đến bán cho T được 3.000.000 đồng. Còn 01 máy tính xách tay T2 mang đến cửa hàng điện

thoại di động Minh Khang bán được 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 02 giờ ngày 29/12/2017, T2 gọi Đ chở T2 đến khu dân cư H, sau đó Đ quay lại tiệm game ở khu dân cư H I chơi game còn T2 đi bộ đến nhà của ông Nguyễn Hữu T5. T2 dùng tay ép cửa kính cho bung silicon rồi vào nhà lấy chìa khóa ra mở cửa chính và đẩy xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61B1 - M ra hẻm đối diện nhà, T2 tiếp tục quay lại đẩy xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 61X1 - N ra hẻm đối diện nhà, sau đó T2 tiếp tục vào nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại hiệu Samsung màu trắng. Sau khi lấy trộm, T2 điều khiển xe biển số 61B1 - M đến tiệm game đón Đ quay lại nhà ông Thuận để Đ điều khiển xe mô tô biển số 61X1 - N. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - M đến bán cho T được 6.000.000 đồng. Còn xe mô tô biển số 61X1 - N Đ lấy đổi xe mô tô hiệu Yamaha Sirius của Đ để làm phương tiện đi lại và bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius cho T được số tiền 5.000.000 đồng. Còn điện thoại di động hiệu Samsung T2 đưa cho Đ sử dụng và cho Đ số tiền 3.000.000 đồng. 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus T2 đem đến cửa hàng điện thoại di động Minh Khang bán được số tiền 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 02 giờ ngày 05/01/2018, T2 gọi Đ chở T2 đến địa điểm lấy trộm tài sản tại phường H, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển số 61X1 - X chở T2 đến nhà của bà Mai Nguyễn Thanh H3. Đ quay lại tiệm game ở khu dân cư H I tiếp tục chơi game. T2 đi vào cửa chính và thấy chìa khóa cửa cắm ở bên trong, T2 dùng tay ép tấm kính cho silicon bung ra và mở cửa vào trong nhà. T2 đẩy xe mô tô hiệu Yamaha Luvias biển số 61K1 - X ra ngoài sân và tiếp tục quay vào nhà đẩy xe mô tô hiệu Suzuki Sky biển số 54S7 - X ra ngoài. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô biển số 61K1 - X đến tiệm game đón Đ quay lại nhà bà H3 để Đ điều khiển xe mô tô biển số 54S7 - X, còn T2 điều khiển xe mô tô biển số 61K1 - X đến bán cho T, T2 bán xe mô tô biển số 61K1 - X được 3.000.000 đồng và xe mô tô biển số 54S7 - X được 2.000.000 đồng. T2 đưa cho Đ 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 02 giờ ngày 13/01/2018, T2 đi bộ từ tiệm game tại phường H đến nhà của ông Nguyễn Thế P. T2 trèo qua cổng vào sân nhà và thấy chùm chìa khóa để ở ghế ngoài sân, T2 lấy chìa khóa mở cửa vào nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu bạc và 01 máy tính bảng hiệu Acer màu đen. T2 chạy ra ngoài cổng Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Bình Dương gọi xe ôm chở đến cửa hàng điện thoại di động M bán điện thoại di động Samsung J7 được 500.000 đồng và máy tính bảng được 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Vụ thứ 8: Khoảng 02 giờ ngày 15/01/2018, T2 đi bộ từ tiệm game thuộc phường H đến nhà của ông Vương Cao N2, T2 trèo qua cổng đến cửa chính và dùng tay đẩy tấm kính làm bung silicon rồi vào nhà, T2 lấy chùm chìa khóa tại

kệ để rệu ra mở cửa chính, T2 đi ra cổng và lấy cây lau nhà cạy bung ổ khóa số ở cổng, T2 quay vào trong nhà đẩy xe mô tô hiệu Honda Lead màu vàng biển số 61B1 – X ra ngoài sân rồi quay lại lấy 01 laptop hiệu Toshiba màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, 01 máy tính xách tay màu xám bạc và 01 ổ cứng hiệu Transcend. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 – X đến bán cho T được 3.000.000 đồng. T2 đến cửa hàng điện thoại di động M bán 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 được 1.000.000 đồng, 01 ổ cứng hiệu Transcend 2T được 500.000 đồng, 01 máy tính xách tay hiệu Dell Core I7 màu xám bạc được 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng được 500.000 đồng. Còn máy tính xách tay hiệu Toshiba Core I5 màu đen T2 mang đến tiệm cầm đồ T do ông Nguyễn Huy T6 làm chủ bán được 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 62.590.000 (sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

Vụ thứ 9: Khoảng 02 giờ ngày 22/01/2018, T2 đi bộ từ tiệm game 2K tại phường P, thành phố T, Tỉnh Bình Dương và đi qua nhà của ông Trần Sỹ T6, T2 thấy cửa sổ không khóa nên trèo qua cửa sổ vào nhà, T2 lấy chùm chìa khóa tại bàn ăn mở cửa chính và mở cổng, sau đó T2 quay vào nhà đẩy xe mô tô hiệu Honda Wave S màu xám biển số 61B1 - X ra ngoài sân, T2 tiếp tục đi vào trong nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu xám, 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X đến bán cho T được 3.000.000 đồng. Còn 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu xám và 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen T2 mang đến cửa hàng điện thoại di động M bán được 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 26.500.000 (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vụ thứ 10: Khoảng 02 giờ ngày 23/01/2018, T2 gọi Đ chờ đến khu X, phường P, thành phố T để lấy trộm tài sản, Đ đồng ý. Đ chờ T2 đến địa điểm và quay lại tiệm game 2K chơi game. T2 đi bộ đến nhà của ông Trương Tấn S, quan sát xung quanh thấy không có người nên T2 trèo tường rào vào nhà lấy chìa khóa mở cổng sau đó quay vào đẩy xe mô tô hiệu Honda Future biển số 61B1 - X ra ngoài sân rồi tiếp tục vào nhà đẩy xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 61H1 - X ra ngoài. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X đến tiệm game 2K đón Đ quay lại nhà ông S. Đ đứng ngoài cổng còn T2 tiếp tục vào trong nhà lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu xám và 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab màu xám đen. T2 đẩy xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 61H1 - X ra ngoài cho Đ điều khiển còn T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X đến bán cho T, T2 bán cho T 02 xe mô tô này được 6.000.000 đồng và 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu xám được 1.000.000 đồng. Còn máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab màu xám đen T2 mang đến tiệm cầm đồ T cầm cố cho ông Nguyễn Huy T6 được 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng.

Vụ thứ 11: Khoảng 02 giờ ngày 24/01/2018, T2 gọi Đ chờ đến phường P, thành phố T để lấy trộm tài sản, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển số 61X1 – X chở T2 đi từ tiệm game 2K tại phường P đến nhà của bà Trương Thị Kim

T7 rồi Đ quay lại tiệm game 2K chơi game. T2 trèo qua hàng rào vào nhà, dùng tay ép cửa kính làm bung silicon rồi vào nhà lấy chìa khóa mở cửa chính và mở cổng, T2 quay vào đẩy xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 61B1 - X, xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 61B1 - X và xe mô tô hiệu Yamaha NoZa biển số 61B1 - X ra bãi cỏ bên kia đường. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X quay lại tiệm game 2K đón Đ quay lại nhà bà Thoa. T2 nhờ Đ điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X, còn T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X đến kho của Công ty N gửi cho ông L2. Sau đó, Đ chờ T2 quay lại nhà bà T7 lấy xe mô tô biển số 61B1 - X. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X còn Đ điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - X đến bán cho T. T2 nói Đ ngồi chờ T2 tại nhà T, T2 thuê xe ôm về kho lấy xe mô tô biển số 61B1 - X đến bán cho T. T nói T1 đưa tiền để T mua 03 xe mô tô của T2 và Đ, T1 đi ra từ phòng ngủ và đưa tiền cho T mua 03 xe mô tô trên với giá 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng.

Vụ thứ 12: Khoảng 01 giờ ngày 27/01/2018, T2 gọi Đ chở đến phường P, thành phố T để lấy trộm tài sản, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển số 61X1 - X chở T2 từ tiệm game 2K đến nhà của bà Lê Thị Kim T8. Đ quay lại tiệm game 2K chơi game còn T2 trèo qua cổng dùng cây xà beng cạy cửa sổ vào nhà, T2 lấy chìa khóa mở cửa chính, mở cổng rồi đẩy xe mô tô hiệu Honda Lead màu vàng đồng biển số 61N8 - X và xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ biển số 61T1 - X ra ngoài sân, T2 tiếp tục quay vào nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng và 01 nhẫn vàng 18K. T2 điều khiển xe mô tô biển số 61N8 - X quay lại tiệm game 2K đón Đ quay lại nhà bà T8. T2 giao cho Đ điều khiển xe mô tô biển số 61T1 - X còn T2 điều khiển xe mô tô biển số 61N8 - X đến bán cho T. T nói T1 đưa tiền cho T để mua 02 xe mô tô, T1 đi ra từ phòng ngủ và đưa tiền cho T mua 02 xe mô tô trên với giá 7.000.000 đồng. T2 đưa cho Đ 1.000.000 đồng và đưa cho Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng để sử dụng. Đối với nhẫn vàng 18K T2 mang đến cửa hàng điện thoại M bán được 500.000 đồng. Số tiền này T2 tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày 27/01/2018, ông Nguyễn Duy T9 đến cửa hàng cầm đồ của T để mua xe cũ. Ông T9 được T và T1 giới thiệu xe mô tô hiệu Honda Wave đỏ biển số 61T1 - X với giá 5.500.000 đồng, ông T9 đồng ý mua và giao tiền cho T1. Sau khi biết xe mô tô biển số 61T1 - X là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 28/01/2019 ông T9 đã tự nguyện giao nộp xe mô tô này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T. Xe mô tô biển số 61T1 - X trị giá 2.500.000 đồng, xe mô tô hiệu Honda Lead màu vàng đồng biển số 61N8 - X trị giá 29.000.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu vàng trị giá 1.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Phan Thành Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Thị Thanh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thành Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 06/02/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2019, bị cáo T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt; ngày 23/10/2019, bị cáo T1 có đơn kháng cáo yêu cầu tuyên bị cáo không phạm tội; ngày 05/11/2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-HS với nội dung kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo T1, Đ và tăng hình phạt đối với bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngày 21/11/2019, bị cáo T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo T đã rút đơn kháng cáo, tuy nhiên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy, bị cáo T giúp sức cho T2 trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do T2 phạm tội mà có với giá trị tài sản lớn. Bị cáo Đ có vai trò giúp sức, chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T và Đ về tội “Trộm cắp tài sản” là chưa phù hợp. Mức hình phạt của bị cáo T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên. Bị cáo T1 kháng cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ biên bản ghi lời khai của bị cáo T1 trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các

bị cáo khác, đủ cơ sở xác định bị T1 phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, kháng cáo kêu oan của bị cáo T1 là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo T1 giúp sức cho bị cáo T tiêu thụ tài sản do T2 và bị cáo Đ phạm tội mà có, chưa nộp tiền thu lợi bất chính. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T1 chưa bằng $\frac{1}{2}$ mức hình phạt của bị cáo T là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tăng hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo Đ và bị cáo T1 mỗi bị cáo mức từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 không thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng quá trình điều tra bị cáo bị đe dọa, ép buộc phải thừa nhận hành vi phạm tội và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bị cáo T, Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo chấp nhận mức hình phạt, bị cáo còn cha già không ai chăm sóc, bị cáo là lao động chính trong gia đình, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: Thời gian tạm giam bị cáo đã rất ân hận, xin xem xét xử án nhẹ nhất để bị cáo về lo cho gia đình.

Bị cáo T1 nói lời sau cùng: Mong xem xét lại hoàn cảnh của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo không phải đi tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo T1, T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi kháng cáo, ngày 21/11/2019, bị cáo T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tuy nhiên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo, trong đó có bị cáo T nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, Đ thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo T, Đ thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/11/2017 đến ngày 27/01/2018, bị cáo Đ đã tham gia cùng với Nguyễn Thành T2 thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 13 xe mô tô và các tài sản khác với tổng giá trị tài sản T2 và bị cáo Đ chiếm đoạt là 256.412.750 (hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi) đồng. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Vào ngày 25/11/2017, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết tài sản do T2 mang đến bán là do phạm tội mà có nhưng bị cáo T vẫn đồng ý tiêu thụ 02 xe mô tô do T2 trộm cắp mà có với tổng giá trị là 84.500.000 (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 02/12/2017 đến ngày 27/01/2018, bị cáo T đã

đồng ý, hứa hẹn trước với T2 là sẽ tiêu thụ xe mô tô do T2 phạm tội mà có, cụ thể bị cáo T đã tiêu thụ tổng cộng 16 xe mô tô và 01 máy tính xách tay hiệu Asus với tổng giá trị tài sản là 272.000.000 (hai trăm bảy mươi hai triệu) đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo T, Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã giúp sức cho Nguyễn Thành T2 trộm cắp tài sản, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có của bị cáo T đã tiếp tay cho tội phạm, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo T, Đ nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, các bị cáo T, Đ thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Các bị cáo T, Đ có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo Phan Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T ban hành quyết định kháng nghị với nội dung kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo T, T1, Đ. Xét thấy: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo Đ, T chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, Đ là chưa đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo T, Đ, xét thấy: Bị cáo Đ, T đã thực hiện hành vi giúp sức cho Nguyễn Thành T2 thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lớn. Phần lớn tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi trả lại cho các bị hại, các bị cáo cũng không thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt đối với các bị cáo T, Đ là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như vai trò của các bị cáo, chưa đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Do đó, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, Tỉnh Bình Dương về tăng hình phạt đối với bị cáo Đ, T về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thanh T1: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 không thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo cho rằng quá trình điều tra, bị cáo bị Điều tra viên đe dọa, ép buộc phải thừa nhận hành vi phạm tội, sau đó bị cáo có khiếu nại nhưng không được giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 cung cấp Thông báo về việc tiếp nhận giải quyết đơn khiếu nại số 10 ngày 10/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T về việc đã tiếp nhận đơn khiếu nại Kết luận điều tra và khiếu nại hành vi của Điều tra viên. Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm thì tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T1 có khai việc bị ép cung nhưng

không được Hội đồng xét xử sơ thẩm làm rõ nội dung này, nhưng bản án sơ thẩm nhận định bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng nên các hành vi của người tiến hành tố tụng đều hợp pháp là chưa có căn cứ và vi phạm quy định tại các Điều 469, 472 và 475 của Bộ luật Tố tụng hình sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo.

Tại biên bản hỏi cung bị can Nguyễn Thành T2 ngày 26/3/2018 (bút lục 135) thể hiện ghi thêm nội dung “vợ chồng” phía trên dòng lời khai liên quan đến xe mô tô mà T2 bán cho bị cáo T. Tuy nhiên, không có chữ ký xác nhận của T2 vào nội dung ghi thêm này là không đảm bảo tính khách quan của biên bản hỏi cung bị can, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu này để xác định hành vi phạm tội của bị cáo T1 là chưa có cơ sở.

Nhận thấy, lời khai của bị cáo T1 trong quá trình điều tra có khiếu nại về việc bị ép cung là khai báo không khách quan nhưng chưa được cơ quan điều tra giải quyết theo trình tự của tố tụng hình sự để kết luận việc khiếu nại của bị cáo là có căn cứ hay không. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm dùng lời khai đang bị khiếu nại để buộc tội bị cáo T1 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Do cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo T1 để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Nội dung bản án sơ thẩm đối với bị cáo T1 bị hủy nên không xem xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo T1.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về tăng hình phạt đối với các bị cáo T, Đ là phù hợp.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm b, d khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo T, Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo T, Đ:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phan Thành Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2018.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo T1.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị Thanh T1 không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thành phố T;	2
- VKSND thành phố T;	1
- Chi cục THADS thành phố T;	1
- CQCSĐT- CA thành phố T;	1
- Bị cáo;	3
- Trại Tạm giam - CA tỉnh BD;	2
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Huy Toàn